



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K
THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY



Trụ sở chính: Sàn KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT - CA HN,
phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Tel: (04) 44 500 668 - **Fax:** (04) 44 500 669

Email: thanglongkiemtoan@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về: Báo cáo tài chính giữa niên độ

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Kết thúc ngày 30/06/2015

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K.

M.S.C.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2- BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	03
3- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 -23

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển Đô thị trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2015.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển Đô thị (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102963747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/10/2008, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba (13) ngày 27/11/2014. Theo đó:

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
Trụ sở : Số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Vốn điều lệ : 200.000.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng)

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Kiến trúc, thiết kế nội thất, quản lý bất động sản, quy hoạch ...

SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG KỲ VÀ SAU NGÀY KHÓA SỔ LẬP BÁO CÁO

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 02/2014/CDDC/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/09/2014 thông qua phương án đầu tư hợp tác kinh doanh và thuê dài hạn khách sạn Candle tại 287-301 phố Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Theo đó, Công ty đã ký Hợp đồng số 79/HĐKTHBT-2014 ngày 10/11/2014 với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng và đã chuyển 150.000.000.000 đồng cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng.

Do Công ty đang thực hiện tái cơ cấu lại nhân sự cho mảng kinh doanh khách sạn nên trong 06 tháng đầu năm 2015, Công ty khoán lại cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng và thu lợi nhuận khoán từ hoạt động này theo Hợp đồng kinh tế số 83/HĐKT/2014/CDDC-HBT ngày 30/12/2014.

Khoản đầu tư dài hạn là khoản đầu tư mua cổ phiếu của các công ty không phải là công ty có lợi ích công chúng. Cổ phiếu của các công ty này chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết. Do đó, Ban Giám đốc không thể xác định được giá trị thị trường của chúng khoản nên không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 02/2015/CDO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/05/2015 của Đại hội cổ đông Công ty đã thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 200.000.000.000 đồng lên 300.000.000.000 đồng. Mục đích tăng vốn để đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết và bổ sung vốn lưu động.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TẠI NGÀY LẬP BÁO CÁO

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đình Nhân

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thái Bình

Ủy viên

Bà Nguyễn Thanh Tú

Ủy viên

Bà Lưu Thị Nhung

Ủy viên

Bà Vũ Thị Mai Anh

Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đình Nhân

Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2015. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2015

TM. BAN GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc



VŨ ĐÌNH NHÂN



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Tại sở chính tại Hà Nội : Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CS TT - CAHN, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội - Tel: (04) 44 500 668 - Fax: (04) 44 500 669

Chi nhánh Miền nam : C14, Quang Trung, phường 11 - Tel: (08)3 589 7462 - Fax: (08)3 589 7464

Chi nhánh Quận 1 - TP. HCM : Số 28 Đặng Tất, quận 1, TP. HCM - Tel: (08)3 848 0763 - Fax: (08)3 526 7187

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tông, TP. Đà Nẵng - Tel: (0511)3 651 818 - Fax: (0511)3 651 868

Chi nhánh Lạng Sơn : Tổ 2, khối 14, đường Bà Triệu - Tel: (025)3 718 545 - Fax: (025)3 716 264

Số: 159.1/2015/BCKT-TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015 của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển Đô thị

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển Đô thị.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển Đô thị (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/08/2015 và trình bày từ trang 04 đến trang 23 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2015, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2015.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K



Từ Quỳnh Hạnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0313 - 2014 - 045 - 1

Kiểm toán viên

Lưu Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1026 - 2014 - 045 - 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		273.908.084.110	209.209.712.288
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.058.923.806	2.360.616.056
1. Tiền	111		1.058.923.806	2.360.616.056
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.000.000.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		230.988.451.808	170.026.425.663
1. Phải thu khách hàng	131		66.259.334.264	8.926.311.821
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	164.729.117.544	161.100.113.842
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	29.513.314.912	27.370.895.687
1. Hàng tồn kho	141		29.513.314.912	27.370.895.687
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.347.393.584	4.451.774.882
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.343.714.584	1.448.095.882
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	3.000.000	3.000.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	3.000.679.000	3.000.679.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.762.739.274	11.874.363.271
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
I. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	-
Nguyên giá	222		2.066.156.921	2.066.156.921
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.066.156.921)	(2.066.156.921)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.000.000)	(100.000.000)
II. Bất động sản đầu tư	240		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	11.000.000.000	11.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		11.000.000.000	11.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.762.739.274	874.363.271
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.762.739.274	874.363.271
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		286.670.823.384	221.084.075.559

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.320.852.751	17.913.081.791
I. Nợ ngắn hạn	310		53.320.852.751	17.913.081.791
2. Phải trả người bán	312		17.029.798.426	14.188.289.469
3. Người mua trả tiền trước	313		18.970.000.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	17.321.054.325	3.724.792.322
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		233.349.970.633	203.170.993.768
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	233.349.970.633	203.170.993.768
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.349.970.633	3.170.993.768
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		286.670.823.384	221.084.075.559

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

[Signature]
Trịnh Long

[Signature]
Nguyễn Minh Quân



[Signature]
GIÁM ĐỐC
Vũ Đình Nhân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2015

Đơn vị tính: VND

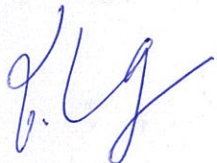
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.13	101.070.130.134	50.060.840.495
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV	10	VI.13	101.070.130.134	50.060.840.495
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.14	68.224.089.881	44.615.662.442
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	20		32.846.040.253	5.445.178.053
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.15	273.294	202.934
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		436.688.000	501.119.818
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24		5.090.659.107	1.367.485.336
10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	30		27.318.966.440	3.576.775.833
11. Thu nhập khác	31	VI.16	11.372.029.541	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		11.372.029.541	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.690.995.981	3.576.775.833
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.17	8.512.019.116	786.890.683
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52		-	-
17. LN sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		30.178.976.865	2.789.885.150
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.18	1.509	1.550

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Minh Quang

 GIÁM ĐỐC
 Vũ Đình Nhân

Kinh Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Kỳ này	Kỳ trước
I-Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	38.690.995.981	3.576.775.833
Điều chỉnh cho các khoản		-	
Khấu hao TSCĐ	02	-	122.161.727
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	05	-	(202.934)
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	38.690.995.981	3.698.734.626
Tăng giảm các khoản phải thu	09	(52.230.626.257)	(12.008.684.378)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(22.281.730.225)	8.580.141.820
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	35.407.770.960	(4.964.700.170)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(888.376.003)	1.012.281.692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.301.965.544)	(3.682.226.410)
II-Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	273.294	202.934
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	273.294	202.934
III-Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	6.450.000.000
Chi trả nợ gốc vay	34	-	(2.500.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	3.950.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.301.692.250)	267.976.524
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	2.360.616.056	720.025.600
Ảnh hưởng thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.058.923.806	988.002.124

Người lập biểu

Kê toán trưởng

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc

Kính Long

Nguyễn Minh Quang



GIÁM ĐỐC

Vũ Đình Nhật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2015

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102963747, thay đổi lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 27/11/2014, vốn điều lệ của Công ty là:

200.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm tỷ đồng).

2- Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, khách sạn và dịch vụ tư vấn thiết kế.

3- Ngành nghề kinh doanh

- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, khu vui chơi giải trí;
- Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị, đồ nội, ngoại thất;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- ...

II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (ký hiệu là "VND").

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Tại thời điểm 30/06/2015 không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào cần phải được trích lập dự phòng.

3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Tại thời điểm 30/06/2015, Công ty không có khoản công nợ nào cần phải được trích lập dự phòng.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Thiết bị, dụng cụ quản lý 03 - 05 năm

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con hoặc công ty liên kết và được xác định theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng} = \frac{\text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}{\text{Vốn chủ sở hữu thực có}} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp của các bên tại tổ chức}}$$

Đối với khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho từng loại chứng khoán theo công thức:

$$\text{Mức dự phòng} = \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá} \times \left(\text{Giá ghi sổ của chứng khoán} - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường} \right)$$

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;
- Chi phí thuê kho và văn phòng

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn là công cụ, dụng cụ xuất dùng vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 02 đến 03 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nhận được thông báo chia cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ % giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

10- Nguyên tắc ghi nhận chi phí hoạt động kinh doanh

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính:

- Chi phí đi vay vốn, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

Chi phí của Hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Ước tính kế toán: Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2
11
3
1
H
0
1
7

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1- Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt (VND)	1.025.462.763	2.319.187.109
Tiền gửi ngân hàng (VND)	33.461.043	41.428.947
Cộng:	1.058.923.806	2.360.616.056

2- Đầu tư ngắn hạn	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Nguyễn Kim Sơn (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Nguyễn Trung Thanh (**)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng:	5.000.000.000	5.000.000.000

(*) Ông Nguyễn Kim Sơn vay theo Hợp đồng vay số 01/HDCVT/CDDC2014 ngày 25/12/2014. Thời gian vay 07 tháng theo Phụ lục hợp đồng vay số 01/2015/CĐC ngày 28/02/2015. Lãi suất cho vay 5%/năm. Tài sản thế chấp: Tín chấp.

(**) Ông Nguyễn Trung Thanh vay theo Hợp đồng vay số 02/HDCVT/CDDC2014 ngày 25/12/2014. Thời gian vay 07 tháng theo Phụ lục hợp đồng vay số 01/2015/CĐC ngày 28/02/2015. Lãi suất cho vay 5%/năm. Tài sản thế chấp: Tín chấp.

3- Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH XD và PT Đô thị	520.000.000	520.000.000
Công ty TNHH XDĐT & PT Đô thị	-	9.705.800.192
(*) Công ty CP Thương mại DVTH Hai Bà Trưng	146.906.239.468	150.641.000.000
Công ty TNHH XD và TM Hoàng Chung	4.948.430.000	-
Công ty TNHH XD TM & DVTH Hoàng Trang	9.902.547.427	-
Các khách hàng khác	2.451.900.649	233.313.650
Cộng:	164.729.117.544	161.100.113.842

Chi phí thuê địa điểm kinh doanh khách sạn Candle số 287-301 Đội Cấn - Ba Đình - Hà Nội theo Hợp đồng số 79/HĐKT/HBT -2014 ngày 10/11/2014 giữa Bên cho thuê: Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ tổng hợp Hai Bà Trưng và Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị. Cụ thể:

- Thuê tầng 1, lửng, tầng 2, 3, 4, 5, 6, 7 Khách sạn Candle, số 287-301 Đội Cấn, tổng diện tích thuê 5.228m²
- Mục đích thuê: Kinh doanh quán bar, nhà hàng, trung tâm sự kiện, thể thao và khách sạn.
- Thời gian thuê: 30 năm kể từ ngày 01/01/2015 và kết thúc ngày 31/12/2045.
- Tiền thuê trả trước 15 năm là 150.000.000.000 đồng.

33;
T
H
I
E
T
K
Ế
V
À
P
H
Á
T
T
R
I
E
N
Đ
Ô
T
H
Ị
C
Ổ
P
H
Ã
N
T
Ư
V
Ã
N

CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

Số 25 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: 04 3 9744 168

Fax: 04 3 9744 068

Mẫu B 09 - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

4- Hàng tồn kho	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.413.698.090	3.413.698.090
Hàng hóa	26.099.616.822	23.957.197.597
Cộng:	29.513.314.912	27.370.895.687
5- Thuế và các khoản phải thu nhà nước	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Thuế khác	3.000.000	3.000.000
Cộng:	3.000.000	3.000.000
6- Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	3.000.679.000	3.000.679.000
Cộng:	3.000.679.000	3.000.679.000
7- Tài sản cố định hữu hình		
Chỉ tiêu	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số đầu năm	2.066.156.921	2.066.156.921
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	2.066.156.921	2.066.156.921
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.066.156.921	2.066.156.921
Khấu hao trong năm	-	-
Số dư cuối năm	2.066.156.921	2.066.156.921
Giá trị còn lại của TSCĐ		
- Tại ngày đầu năm	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-

8- Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Phần mềm quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số đầu năm	100.000.000	100.000.000
Mua trong năm	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số cuối năm	100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	100.000.000	100.000.000
Số dư cuối năm	100.000.000	100.000.000
Giá trị còn lại của TSCĐ		
- Tại ngày đầu năm	-	-
- Tại ngày cuối năm	-	-

9- Đầu tư dài hạn khác	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Tập đoàn Nhân Nghĩa	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần APX	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng:	11.000.000.000	11.000.000.000

	Tại ngày 30.06.2015		Tại ngày 01.01.2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Tập đoàn Nhân Nghĩa	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần APX	500.000	5.000.000.000	500.000	5.000.000.000

10- Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuê văn phòng 25 Lê Đại Hành	1.299.290.773	851.829.546
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	22.533.725	22.533.725
Chi phí thuê sân khách sạn Candle	440.914.776	-
Cộng:	1.762.739.274	874.363.271

CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ**Mẫu B 09 - DN**

Số 25 Lê Đại Hành - Hai Bà Trưng - Hà Nội

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Điện thoại: 04 3 9744 168

Fax: 04 3 9744 068

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

11- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	6.429.834.957	1.345.592.070
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.891.219.368	2.379.200.252
Cộng:	17.321.054.325	3.724.792.322

12- Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a- Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	18.000.000.000	(2.724.660.406)	15.275.339.594
Tăng vốn trong năm trước	182.000.000.000	-	182.000.000.000
Lãi (Lỗ) trong năm trước	-	5.895.654.174	5.895.654.174
Tăng, giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	3.170.993.768	203.170.993.768
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-
Lãi (Lỗ) trong kỳ	-	30.178.976.865	30.178.976.865
Tăng, giảm khác	-	-	-
Số dư cuối kỳ	200.000.000.000	33.349.970.633	233.349.970.633

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu.

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Vũ Đình Nhân	26.000.000.000	26.000.000.000
Lê Kim Thu	8.000.000.000	8.000.000.000
Nguyễn Thanh Tú	7.000.000.000	7.000.000.000
Vũ Thị Mai Anh	9.000.000.000	9.000.000.000
Lưu Thị Nhung	8.000.000.000	8.000.000.000
Các cổ đông khác	142.000.000.000	142.000.000.000
Cộng:	200.000.000.000	200.000.000.000

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	20.000.000	1.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	18.200.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	20.000.000	20.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d- Cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

13- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	48.781.651.044	50.060.840.495
Doanh thu hợp đồng xây dựng	52.288.479.090	-
Cộng:	101.070.130.134	50.060.840.495
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng	101.070.130.134	50.060.840.495

14- Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	34.431.682.305	44.615.662.442
Giá vốn hợp đồng xây dựng	33.792.407.576	-
Cộng:	<u><u>68.224.089.881</u></u>	<u><u>44.615.662.442</u></u>

15- Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Lãi tiền gửi	273.294	202.934
Cộng:	<u><u>273.294</u></u>	<u><u>202.934</u></u>

16- Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Thu nhập từ hoạt động khoán Khách sạn Candle	11.372.029.541	-
Cộng:	<u><u>11.372.029.541</u></u>	<u><u>-</u></u>

17- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Lợi nhuận kế toán	38.690.995.981	3.576.775.833
Điều chỉnh thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	38.690.995.981	3.576.775.833
Chi phí thuế TNDN (22%)	8.512.019.116	786.890.683
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u><u>8.512.019.116</u></u>	<u><u>786.890.683</u></u>

VI.18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông	30.178.976.865	2.789.885.150
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	20.000.000	1.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.509	1.550

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Chính sách quản lý rủi ro

Công ty thực hiện việc quản lý rủi ro như sau:

Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm: Vốn điều lệ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị đánh giá lại
- Tiền và các khoản tương đương tiền	1.058.923.806	1.058.923.806
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
- Phải thu khách hàng	66.259.334.264	66.259.334.264
- Trả trước cho người bán	164.729.117.544	164.729.117.544
- Phải thu khác	3.003.679.000	3.003.679.000

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị đánh giá lại
Vay và nợ ngắn hạn	-	-
Phải trả người bán	17.029.798.426	17.029.798.426
Người mua trả tiền trước	18.970.000.000	18.970.000.000
Thuế phải nộp	17.321.054.325	17.321.054.325
Các khoản phải trả khác	-	-

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước và nước ngoài để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa, rủi ro thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ. Rủi ro này Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Trong kỳ, Công ty không có hoạt động tín dụng nên không có rủi ro đối với hoạt động này.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến:

Tại 30/06/2015	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Cộng
Phải trả người bán	17.029.798.426	-	17.029.798.426
Người mua trả tiền trước	18.970.000.000	-	18.970.000.000
Thuế phải nộp	17.321.054.325	-	17.321.054.325
	53.320.852.751	-	53.320.852.751

Ban Giám đốc Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay dưới hình thức thế chấp tài sản.

2- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2014 được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

3- Thông tin hoạt động liên tục

Công ty không có bất cứ kế hoạch nào nhằm thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như không có sự kiện nào phát sinh trong năm và sau ngày khóa sổ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

4- Giao dịch với bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Giá trị giao dịch	Công nợ
Công ty CP APX	Công ty liên kết	Mua thép	22.193.516.862	6.655.016.862
Công ty TNHH Xây dựng và PT Đô thị	(*)	Đặt cọc tiền mua thép	-	520.000.000


(*) Ông Vũ Đình Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Đô thị là bố ông Vũ Đình Nhân - Chủ tịch HĐQT.

Lập, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Trương Long


Nguyễn Minh Quang



GIÁM ĐỐC
Vũ Đình Nhân

